

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN DƯƠNG KINH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày 20-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Thành.

Bà Tạ Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đồng Thị Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần M, địa chỉ: phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, Chuyên viên xử lý nợ - Công ty cổ phần M (văn bản ủy quyền số 02/2024/UQ-GĐ ngày 19-4-2024 và Văn bản ủy quyền số 39/2024/UQ-M (VPB) ngày 01-7-2024 của Công ty cổ phần M); có mặt

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị U, sinh năm 1958 và chồng là ông Phạm Hữu Đ, sinh năm 1954; nơi cư trú: phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quan:** Ngân hàng TMCP VT; địa chỉ: phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt người đại diện hợp pháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày về quan hệ tín dụng, quan hệ thể chấp, quan hệ mua bán nợ và yêu cầu khởi kiện giữa: Công ty cổ phần M với bà Phạm Thị U, ông Phạm Hữu Đ.

Về quan hệ tín dụng, Ngân hàng TMCP VT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng với bà U, ông Đ đã có các thỏa thuận tín dụng sau:

1- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 19-01-2022 về việc Ngân hàng cho bà U, ông Đ vay tiền để tiêu dùng; số tiền vay 136.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; mức lãi suất trong hạn theo quy định của Ngân hàng, mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2- Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208046405973 ngày 12-08-2022, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 12-8-2022, Khế ước nhận nợ ngày 12-8-2022 có nội dung: Ngân hàng cho bà U, ông Đ vay tiền, mục đích để bổ sung vốn kinh doanh cộc tre; số tiền vay 850.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân (ngày 13-8-2022 đến ngày 13-8-2023); lãi suất thời điểm giải ngân 11,5%/năm; lãi suất cho vay trong hạn được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời gian này lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần; mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm; lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; phương thức thanh toán: Trả nợ gốc vào ngày kết thúc thời hạn cho vay; trả lãi theo định kỳ là ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên ngày từ 15/9/2022. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng và phụ lục còn có các nội dung khác liên quan đến quan hệ tín dụng về quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, của bà U, ông Đ.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân, bà U, ông Đ đã nhận đủ số tiền 850.000.000 đồng ngày 12-8-2022. Bà U, ông Đ cũng đã trả cho Ngân hàng được một phần tiền nợ gốc và lãi. Nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chuyển nợ quá hạn từ ngày 15-6-2023. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, làm việc, tạo điều kiện nhưng bà U, ông Đ không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Về quan hệ thế chấp, Ngân hàng là bên nhận thế chấp, bà U', ông Đ là bên thế chấp đã ký hợp đồng thế chấp số 4129841 ngày 12-8-2021 thỏa thuận nội dung:

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng thửa đất số 189, tờ bản đồ số 09, diện tích 342 m², tại địa chỉ Tổ dân phố số 9, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; các quyền, lợi ích phát sinh từ tài sản thế chấp, hoa lợi, lợi tức gắn liền với tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp.

Quyền sử dụng đất của đã được Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 07-6-2013, số phát hành giấy chứng nhận BN 862344, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01510/Q1, người sử dụng là bà Phạm Thị U', ông Phạm Hữu Đ.

Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bà U', ông Đ đối với Ngân hàng phát sinh từ các văn kiện tín dụng giữa Ngân hàng với bà U', ông Đ.

Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng N) ngày 12-8-2021; được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận Dương Kinh ngày 12-8-2021.

Về quan hệ mua bán nghĩa vụ trả nợ của bà U', ông Đ giữa Công ty cổ phần M với Ngân hàng.

Ngày 29-12-2023, Ngân hàng bán khoản nợ của bà U', ông Đ cho Công ty cổ phần M theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-M và Phụ lục đính kèm ký giữa Ngân hàng với Công ty cổ phần M với nội dung: Ngân hàng đồng ý bán, Công ty cổ phần M đồng ý mua các khoản nợ của bà U', ông Đ theo các hợp đồng tín dụng mà bà U', ông Đ đã ký với Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng đã chuyển giao quyền chủ nợ và Công ty cổ phần M kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng của Ngân hàng đối với khoản nợ đã mua và quyền đối với tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của bà U', ông Đ.

Tính đến ngày 20-9-2024, số tiền nợ của bà U', ông Đ theo các hợp đồng tín dụng là 1.273.864.390 đồng, trong đó: Tiền vay gốc 961.841.971 đồng, tiền lãi trong hạn 15.322.465 đồng, tiền lãi quá hạn 264.344.028 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 32.355.926 đồng.

Về yêu cầu khởi kiện, sau khi tiếp nhận khoản nợ của bà U', ông Đ, Công ty cổ phần M đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, tạo điều kiện cho bà U', ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, bà U', ông Đ vẫn không thực hiện. Do đó, Công ty cổ phần M khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc bà U', ông Đ trả cho Công ty cổ phần M số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 20-9-2024 là 1.273.864.390 đồng, trong đó: Tiền vay gốc 961.841.971 đồng, tiền lãi trong hạn 15.322.465 đồng, tiền lãi quá hạn 264.344.028 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 32.355.926 đồng; buộc bà U', ông Đ tiếp tục trả cho Công ty cổ phần M tiền lãi phát sinh từ ngày 21-9-2024 cho đến khi trả hết nợ.

- Trường hợp bà U', ông Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần M được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 189, tờ bản đồ số 09, diện tích 342 m², tại địa chỉ Tổ dân phố số 9, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành giấy chứng nhận BN 862344, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01510/Q1 của Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh cấp ngày 07-6-2013 cho bà Phạm Thị U' và ông Phạm Hữu Đ.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại, xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả hết khoản nợ thì bà U', ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty cổ phần M.

Bà U', ông Đ là bị đơn không đến Tòa án, không thể hiện quan điểm, ý kiến về nội dung khởi kiện của Công ty cổ phần M.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà U', ông Đ phải trả nợ cho Công ty cổ phần M số tiền tạm tính đến ngày đến ngày 20-9-2024 là 1.273.864.390 đồng, trong đó: Tiền vay gốc 961.841.971 đồng, tiền lãi trong hạn 15.322.465 đồng, tiền lãi quá hạn 264.344.028 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 32.355.926 đồng; buộc bà U', ông Đ tiếp tục trả cho Công ty cổ phần M tiền lãi phát sinh từ ngày 21-9-2024 cho đến khi trả hết nợ; trường hợp bà U', ông Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần M có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty cổ phần M; trường hợp số tiền thu được sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả hết nợ thì bà U', ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty cổ phần M; bà U', ông Đ đều là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Nguyên đơn là Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị U' và ông Phạm Hữu Đ có đăng ký Hộ kinh doanh cá thể, cư trú tại quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng về việc trả tiền vay để kinh doanh cọc tre theo hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa Công ty cổ phần M với bà U', ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn

Xét Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-M và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng với Công ty cổ phần M đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của các bên. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên. Cụ thể: Ngân hàng bán cho Công ty cổ phần M khoản nợ của bà U', ông Đ đối với Ngân hàng. Giao dịch mua bán nợ không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng mua bán nợ giữa hai bên có hiệu lực thi hành theo quy định tại các điều 117, 119, 398, 401 của Bộ luật Dân sự.

Ngân hàng là bên có quyền yêu cầu, quyền khởi kiện bà U', ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Qua hợp đồng mua bán nợ, Ngân hàng đã chuyển giao quyền yêu cầu cho Công ty cổ phần M. Do vậy, Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu, quyền khởi kiện bà U', ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 365 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về việc vắng mặt của bị đơn

Bà U', ông Đ là bị đơn được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M đối với bà U', ông Đ

[4.1] Xét Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 19-01-2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208046405973 ngày 12-08-2022, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 12-8-2022, Khế ước nhận nợ ngày 12-8-2022 được ký bởi đại diện hợp pháp của Ngân hàng với bà U', ông Đ. Các bên tham gia hợp

đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào các điều 117, 119, 398, 401 của Bộ luật Dân sự, các hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là Ngân hàng đã giải ngân, bà U, ông Đ đã nhận đủ số tiền vay theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng. Như vậy, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Việc bà U, ông Đ thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận.

Ngân hàng đã chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cho Công ty cổ phần M. Nay, Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu bà U, ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M số tiền tạm tính đến ngày 20-9-2024 là 1.273.864.390 đồng, trong đó: Nợ gốc 961.841.971 đồng, tiền lãi trong hạn 15.322.465 đồng, tiền lãi quá hạn 264.344.028 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 32.355.926 đồng; buộc bà U, ông Đ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 21-9-2024 cho đến khi trả hết nợ theo các hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M về việc buộc bà U, ông Đ phải trả nợ cho Công ty cổ phần M.

[4.2] Xét hợp đồng thế chấp số 4129841 ngày 12-8-2021 được ký bởi đại diện hợp pháp của Ngân hàng với bà U, ông Đ. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào các điều 117, 119, 398, 401 của Bộ luật Dân sự, Điều 54 của Luật Công chứng, khoản 3 Điều 167, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013, Hợp đồng thế chấp số 4129841 ngày 12-8-2021 có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện.

Ngân hàng đã chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cho Công ty cổ phần M. Nay, Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu bà U, ông Đ trả nợ, trong trường hợp bà U, ông Đ không trả được nợ, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 299, 303, 320, 321, 322 và 323 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền sau khi xử lý tài sản bảo đảm

không đủ để trả hết nợ thì bà U, ông Đ vẫn phải tiếp tục trả hết nợ cho Công ty cổ phần M.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí

Yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M được chấp nhận nên bà U, ông Đ có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà U, ông Đ đều là người cao tuổi theo Điều 2 của Luật Người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 54 của Luật Công chứng, khoản 3 Điều 167, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013, các điều 117, 119, 398, 401, 299, 303, 320, 321, 322, 323 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M

- Buộc bà Phạm Thị U, ông Phạm Hữu Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần M số tiền tạm tính đến ngày 20-9-2024 là 1.273.864.390 đồng, (trong đó: Nợ gốc 961.841.971 đồng, tiền lãi trong hạn 15.322.465 đồng, tiền lãi quá hạn 264.344.028 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 32.355.926 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 21-9-2024 đến thời điểm trả hết số tiền nợ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 19-01-2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208046405973 ngày 12-08-2022; Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 12-8-2022; Khế ước nhận nợ ngày 12-8-2022 giữa Ngân hàng TMCP VT với bà Phạm Thị U, ông Phạm Hữu Đ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

- Trường hợp bà Phạm Thị U', ông Phạm Hữu Đ không trả được số tiền nợ thì Công ty cổ phần M có đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 4129841 ngày 12-8-2021 giữa Ngân hàng TMCP VT với bà Phạm Thị U', ông Phạm Hữu Đ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 189, tờ bản đồ số 09, diện tích 342 m², tại địa chỉ tổ dân phố số 9, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành giấy chứng nhận BN 862344, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01510/Q1 của Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng cấp ngày 07-6-2013 cho bà Phạm Thị U' và ông Phạm Hữu Đ.

Trường hợp số tiền thu được sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả toàn bộ số tiền nợ thì bà Phạm Thị U', ông Phạm Văn Đây vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Công ty cổ phần M cho đến khi hết nợ.

2- Miễn cho bà Phạm Thị U', ông Phạm Văn Đây nghĩa vụ nộp số tiền 25.107.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền 23.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006038 ngày 23-7-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng).

3- Công ty cổ phần M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phạm Thị U', ông Phạm Hữu Đ, Ngân hàng TMCP VT có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2018 và năm 2020 (sau đây gọi tắt là Luật Thi hành án dân sự) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Dương Kinh;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Thành

Tạ Thị Hương

Nguyễn Quốc Phương